ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CÁI NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2026
(Kèm theo Báo cáo số: 805/BC-UBND, ngày 19 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Cái Nước)

Số Chỉ tiêu 2026	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2026	Thực hiện 9 tháng đầu năm	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ					
1	Thu ngân sách	Tỷ đồng	1,800	1,453	80,72	
2	Chi ngân sách	Tỷ đồng	194,118	172,87	89,05	
3	Tổng giá trị sản phẩm tăng	%	10,10	8,8	87,13	
4	Sản lượng thủy sản:	Tấn	18,000	15,604	86,69	
	Trong đó: Sản lượng tôm	Tấn	11,000	9,253	84,12	
5	Kinh tế tư nhân					
	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	30	20	66,67	
	Số hộ cá thể phát triển lên doanh nghiệp	Hộ	10	2	20	
6	Tỷ lệ người dân giao dịch không dùng tiền mặt	%	30	34,03	113,43	
7	Thành lập mới Hợp tác xã và Tổ hợp tác sản xuất					
	Thành lập mới Hợp tác xã	HTX	1	0	0,00	
	Thành lập mới Tổ hợp tác sản xuất	Tổ	2	1	50	
8	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	91	85	93,41	
9	Đàn gia cầm xuất chuồng	Con	111,000	84,360	76	
10	Đàn heo xuất chuồng	Con	10,450	7,549	72,24	
II	**CÁC CHỈ TIÊU VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI**					
11	Hộ nghèo (giảm)	Hộ	27	Cuối năm mới đánh giá		
12	Tỷ lệ hộ cận nghèo giảm (giao phấn đấu)	Hộ	61	Cuối năm mới đánh giá		

Số Chỉ tiêu 2026	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2026	Thực hiện 9 tháng đầu năm	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
13	Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt	%	98	Cuối năm mới đánh giá		
14	Ấp đạt và giữ vững chuẩn văn hóa	Ấp	10	Cuối năm mới đánh giá		
15	Giới thiệu và tạo việc làm mới	Lao động	2,413	1,809	75	
16	Dạy nghề, bồi dưỡng nghề, truyền nghề	Người	1,998	936	46.847	
17	Xuất khẩu lao động (giao bổ sung)	Người	30	7	23	
18	Tỷ lệ tham gia các loại bảo hiểm					
	Số người tham gia BHXH tự nguyện (giao bổ sung)	Người	2,390	1,624	67,95	đạt 87,21% cấp trên giao (1.624/1.862)
	Số người tham gia BHXH bắt buộc	Người	1,625	1,565	96,31	
	Số người tham gia BHXH Thất nghiệp	Người	1,420	1,392	98,03	
III	**CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG**					
19	Tỷ lệ trường học (đối với điểm chính) có hệ thống nước sạch để uống và nhà vệ sinh tiêu chuẩn	%	100	100% (11/11 trường)	100	
20	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	97	100	103,09	
	trong đó: tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	55	21,50	39,09	
21	Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt	%	95	95	100	
IV	**CHỈ TIÊU VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH**					
22	*Thực hiện công tác tuyển quân, diễn tập*	%	46	47	102,17	
	Xã đạt chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"	Đạt	Đạt	Cuối năm mới đánh giá		
	Ấp không ma túy	%	4	Cuối năm mới đánh giá		
V	**VẬN DỘNG CÁC LOẠI QUỸ**					

Số Chỉ tiêu 2026	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu 2026	Thực hiện 9 tháng đầu năm	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
23	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	Triệu đồng	314,000	243,585	77,57	
	Quỹ Phòng chống thiên tai	Triệu đồng	174,192	121,602	69,81	
	Quỹ Bảo trợ trẻ em	Triệu đồng	15,500	14,700	94,84	
	Quỹ Vì người nghèo	Triệu đồng	90,500	78,600	86,85	

VI	**Các chỉ tiêu, nhiệm vụ ngoài chỉ tiêu kinh tế - xã hội**					
1	Giải ngân vốn đầu tư công	Tỷ đồng	69,485	27,874	40,12	
2	Xây mới nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	5	5	100	
3	Sửa chữa nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	5	5	100	
4	Lắp đặt hệ thống nước sạch	Hệ thống	3	3	100	
5	Cập nhật dữ liệu đất đai	Thửa	5,187	4,176	80,51	

**** Ghi chú: Kết quả năm 2026***

Thực hiện	Đạt và vượt	Chưa đạt